DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Văn phòng Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-SNN ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023
A	**Dự toán thu, chi từ nguồn phí**	**250.000**
1	Số thu phí	250.000
	Phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thẩm định báo cáo nghiêm cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	250.000
2	Chi từ nguồn thu phí để lại	225.000
2.1	Quản lý hành chính	225.000
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	225.000
3	Số thu phí nộp NSNN	25.000
	Phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thẩm định báo cáo nghiêm cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	25.000
B	**Dự toán chi Ngân sách nhà nước**	**11.776.000**
1	**Quản lý hành chính**	**10.743.000**
1.1	Chi thường xuyên giao tự chủ (Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 13) (1)	7.419.000
1.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 12)	3.324.000
-	Mua sắm	13.000
-	Sửa chữa	2.410.000
-	Đặc thù	901.000
	Phòng chống lụt bão	350.000
	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000
	Kinh phí cải cách hành chính	60.000
	Kinh phí duy trì hệ thống ISO 9001:2015	12.000
	Duy trì trang thông tin điện tử	49.500
	Các ban chỉ đạo	150.000

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023
A	**Dự toán thu, chi từ nguồn phí**	**250.000**
	Kinh phí hoạt động của thanh tra kiểm tra vật tư nông nghiệp	50.000
	Duy trì phần mềm quản lý tài sản	7.500
	Trang phục thanh tra	32.000
	Hỗ trợ hoạt động khoa học công nghệ ngành	150.000
2	**Sự nghiệp kinh tế**	**921.000**
2.1	Chi thường xuyên giao tự chủ (Loại 280 - Khoản 2811 - Nguồn 13) (2)	321.000
2.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 280 - Khoản 281 - Nguồn 12)	600.000
-	Sửa chữa tài sản, thiết bị phục vụ hoạt động chung của ngành	100.000
-	Kinh phí phục vụ các hoạt động chung toàn ngành	500.000
3	**Chi thực hiện một số nhiệm vụ tỉnh giao**	**112.000**
3.1	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật (Loại 070 - Khoản 098 - Nguồn 12)	30.000
3.2	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Loại 280 - Khoản 2811 - Nguồn 12 - TMCTMT 00502)	50.000
3.3	Kinh phí Thuê dịch vụ truyền số liệu chuyên dùng cấp II (Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 12)	32.000
C	**Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương năm 2023**	**502.000**
1	Quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 13)	442.000
1.1	Chi thường xuyên giao tự chủ (Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 13)	200.000
1.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 12)	242.000
-	Mua sắm	1.000
-	Sửa chữa	241.000
2	Sự nghiệp kinh tế	60.000
2.1	Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 280 - Khoản 2811 - Nguồn 12)	60.000
-	Sửa chữa tài sản, thiết bị phục vụ hoạt động chung của ngành	10.000
-	Kinh phí phục vụ các hoạt động chung toàn ngành	50.000

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023
A	**Dự toán thu, chi từ nguồn phí**	**250.000**
D	**Số đơn vị được chi từ Ngân sách nhà nước cấp (B-C)**	**11.274.000**
1	Quản lý hành chính	10.301.000
1.1	Chi thường xuyên giao tự chủ (Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 13)	7.219.000
1.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 12)	3.082.000
-	Mua sắm	12.000
-	Sửa chữa	2.169.000
-	Đặc thù	901.000
	Phòng chống lụt bão	350.000
	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000
	Kinh phí cải cách hành chính	60.000
	Kinh phí duy trì hệ thống ISO 9001:2015	12.000
	Duy trì trang thông tin điện tử	49.500
	Các ban chỉ đạo	150.000
	Kinh phí hoạt động của thanh tra kiểm tra vật tư nông nghiệp	50.000
	Duy trì phần mềm quản lý tài sản	7.500
	Trang phục thanh tra	32.000
	Hỗ trợ hoạt động khoa học công nghệ ngành	150.000
2	Sự nghiệp kinh tế	861.000
2.1	Chi thường xuyên giao tự chủ (Loại 280 - Khoản 2811 - Nguồn 13)	321.000
2.2	Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 280 - Khoản 2811 - Nguồn 12)	540.000
-	Sửa chữa tài sản, thiết bị phục vụ hoạt động chung của ngành	90.000
-	Kinh phí phục vụ các hoạt động chung toàn ngành	450.000
3	Chi thực hiện một số nhiệm vụ tỉnh giao	112.000
3.1	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật (Loại 070 - Khoản 098 - Nguồn 12)	30.000

TT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2023
A	**Dự toán thu, chi từ nguồn phí**	**250.000**
3.2	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Loại 280 - Khoản 2811 - Nguồn 12 - TMCTMT 00502)	50.000
3.3	Kinh phí Thuê dịch vụ truyền số liệu chuyên dùng cấp II (Loại 340 - Khoản 341 - Nguồn 12)	32.000

Ghi chú

(1) Đã bao gồm: Chi hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018-CP là 747 trđ